

*Trì giới là gốc
Tịnh độ là nơi quay về
Quán tâm là trọng yếu
Bàn lành là chốn nương tựa*

SA-DI THẬP GIỚI OAI NGHI LỤC YẾU

Tập 36

Chủ giảng: Pháp sư Định Hoằng

Thời gian: 28/12/2016

Địa điểm: Chùa Giác Nguyên, Thành phố Sán Vĩ

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Kính chào chư vị đại đức tỳ-kheo, chư vị sa-di, cư sĩ và các bậc thiện tri thức đang xem trực tiếp tôn kính, chúc mọi người buổi chiều tốt lành! Mời để tay xuống.

Mời mở sách đến môn oai nghi thứ chín:

“Thứ chín: Vào tự viện.”

Ở đây nói vào tự viện, ở Ấn Độ gọi “tự” là “tăng-già-lam-ma”, dịch sang tiếng Hoa nghĩa là “chúng viên”. “Chúng” chính là đại chúng tăng, khu vườn mà đại chúng tăng ở thì gọi là tự, tăng-già-lam-ma.

Theo lịch sử của người Trung Quốc ghi chép thì vào ngày 8 tháng 4 năm Giáp Dần, Chu Chiêu Vương năm thứ 24, bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật của chúng ta ra đời. Ở đất Trung Hoa chúng ta liền nhìn thấy “ánh sáng đỏ xuyên qua mặt trời”, tức là ánh sáng màu đỏ xuyên qua mặt trời, “nước sông Giang dâng cao”, nước sông Giang đều dâng lên. Do đó Chu Chiêu Vương liền hỏi quần thần rằng: Hiện tượng này là chuyện gì vậy? Có một vị quan Thái sử tên là Tô Do liền bẩm tấu rằng: “Phương Tây có bậc thánh nhân ra đời, sau 1.000 năm nữa pháp của ngài sẽ được truyền đến đây.” Những quan viên học giả thời xưa cũng thật sự rất tài giỏi, họ có thể thông qua những tướng sao, những hiện tượng tự nhiên này mà dự đoán được, giống như bốc quẻ vậy, tự nhiên nhìn thấy cái tướng này, bèn lấy tướng ấy để bốc quẻ, lập tức có thể dự đoán được. Ông nói phương Tây có bậc thánh ra đời, sau 1.000 năm nữa Phật pháp sẽ lưu truyền đến Đông độ chúng ta. Do đó, Chu Chiêu Vương

liền hạ lệnh khắc sự việc này lên đá, ghi chép lại, sau đó chôn nó trước Thiên Từ ở ngoại ô phía nam.

Sau đó đến ngày 15 tháng 2 năm Nhâm Thân, Chu Mục Vương năm thứ 53, vừa rồi nói năm Giáp Dần - Chu Chiêu Vương năm thứ 24, tức là năm 1027 trước công nguyên, đến Chu Mục Vương năm thứ 53, tức là năm 947 trước công nguyên, Phật thị hiện diệt độ. Lúc này bão gió đột nhiên nổi lên, động đất, bầu trời u ám, trời đất đều rung chuyển, bầu trời tối tăm, hơn nữa có 12 tia sáng trắng, đỏ phóng thẳng lên trời. Lúc ấy quan Thái sử liền nói: “Thánh nhân phương Tây thị hiện diệt độ rồi.” Sau đó Không tử cảm thán nói, kỳ thực trong ghi chép nói Không tử, nhưng hoài nghi có lẽ là Lão tử. Việc này có ghi chép, Lão tử cảm thán nói rằng: “Sao ta ra đời muộn như vậy? Sao Phật nhập Niết-bàn sớm như vậy? Không gặp được Phật Thích-ca, trong tâm ta vô cùng xót xa!” Lão tử nói như vậy.

Đến thời Đông Hán vào năm Canh Thân, năm thứ ba niên hiệu Vĩnh Bình của Hán Minh Đế, Hán Minh Đế mộng thấy người bằng vàng cao 6 trượng, trên đầu có hào quang sáng bay vào trong cung điện. Minh Đế liền hỏi quần thần: giấc mộng này là điềm báo gì? Quan Thái sử tên là Phó Nghị liền trả lời rằng: “Thần nghe bên Tây Vực có thần, hiệu là Phật, bệ hạ mộng thấy chắc hẳn là ngài.” Quan Thái sử này là người học rộng nghe nhiều, ông nói: nghe nói bên Tây Vực có thần, trong khái niệm của họ chỉ có thể cho rằng Phật chính là thần. Bởi vì thần, bạn xem chữ “thần”, bên trái có chữ “thị”, phía sau là chữ “thân”, phía trên chữ “thị” là chữ nhị, phía dưới vạch xuống ba đường, chữ “nhị” phía trên là chỉ cho chữ “thượng”. Thời xưa chữ “thượng” chính là “nhị”, nghĩa là ông trời hiển lộ điềm báo cho con người. Chữ “thân” nghĩa là thông đạt, đều rất thông hiểu. Ý nghĩa của chữ “thần” tức là rất am hiểu về các hiện tượng mà ông trời báo trước. Dùng lời của chúng ta hiện nay để nói là người thông đạt hiểu rõ chân tướng của vũ trụ nhân sinh, người này gọi là thần. Ý nghĩa thật sự của chữ thần là như vậy, chứ không phải chữ thần nghĩa là Thượng đế được nói đến trong các tôn giáo phương Tây hiện nay. Thần nhân này chính là một bậc đại thánh nhân, hiểu tường tận hết thấy các hiện tượng mà ông trời báo trước, các hiện tượng mà ông trời báo trước tức là tất cả các hiện tượng.

Danh hiệu của vị thần này gọi là Phật. Bởi vì đây là dùng âm chữ Phạn, đầy đủ là Phật-đà-da, tiếng Anh gọi là Buddhaya. Chữ Phật này là chữ mới tạo, khi ấy triều nhà Hán đã biết Phật rồi, nhưng hoàng đế vẫn chưa chính thức đi mời thỉnh

Phật pháp, song chữ này đã có rồi, chữ này cũng là chữ mới tạo ra, trước đây không có chữ Phật. Đó hoàn toàn là dùng âm, bởi vì bên phải là chữ “phát”, bên trái là chữ “nhân”, cho nên Phật là một người, lại có âm này nữa, cho nên hợp lại, cộng thêm chữ nhân bên cạnh gọi là “Phật”. Ông nói bệ hạ mộng thấy vị thần này, bởi vì trong giấc mộng ông nhìn thấy trên lưng vị thần này còn đeo bao đựng tên, đeo tên, hai mũi tên, vừa hay phía trên chữ “phát” có hai mũi tên đi xuống, đại khái vua mộng thấy người này chắc là Phật. Đến năm thứ 7, tức là năm Giáp Tý thời Hán Minh Đế năm thứ 7, Minh Đế lệnh cho 18 người như Lang trung Thái Am và Trung lang tướng Tàn Cảnh, Tiến sĩ Vương Tôn v.v. sang Tây Vực tìm cầu Phật pháp. Sang Ấn Độ thỉnh được hai vị tôn giả Ca-diếp-ma-đăng, Trúc-pháp-lan, thế là các ngài liền dùng ngựa trắng để chở kinh và mang tranh vẽ Thích-ca Mâu-ni Phật về. Năm Vĩnh Bình thứ 10, sau 3 năm vào năm Đinh Mão thì đến Lạc Dương, tạm thời ở tại Hồng Lô tự.

Bởi vì Hồng Lô tự vốn là nơi để tiếp đón sứ giả của các nước khắp nơi từ phương xa đến, một nơi như vậy chúng ta gọi là nhà tiếp khách, khách sạn, là khách sạn để quốc gia tiếp đón khách nước ngoài, khách sạn quốc gia. Bởi vì khi ấy cũng không có tự viện đạo tràng Phật pháp, cho nên hai vị cao tăng Ma-đăng và Trúc-pháp-lan bèn ở Hồng Lô tự trước. Từ đó về sau tăng nhân bên Tây Vực dần dần đến nhiều hơn, cũng đều đem Phật pháp lần lượt truyền vào. Đương nhiên cứ ở Hồng Lô tự cũng không phù hợp lắm, bởi vì hoàng đế cũng có tâm muốn hộ trì hoàng dương Phật pháp, vậy là cũng xây dựng phòng ốc để thu xếp cho những tăng nhân này. Do đó hai vị cao tăng Ca-diếp-ma-đăng và Trúc-pháp-lan liền chuyển đến nơi ở mới, nơi ở mới này là nơi dành riêng cho tăng nhân ở. Bởi vì lúc đầu sắp xếp ở Hồng Lô tự, người Trung Hoa đều không quên cái gốc ban đầu, cho nên sau này tất cả tự viện đạo tràng đều dùng chữ “tự” để biểu hiện điều đó, đây chính là nguồn gốc của tự.

Trung Quốc xây dựng ngôi tự viện đầu tiên ở Lạc Dương gọi là Bạch Mã tự. Đại khái người Hà Nam, các đồng học đều đã đến thăm, tôi cũng đến đó rồi, họ dùng Bạch Mã đặt tên cho chùa, đó chính là kỷ niệm ngựa trắng chở kinh. Người Trung Hoa rất giàu đạo nghĩa, tri ân báo ân, bạn xem ngựa trắng chở kinh cũng lập công lao to lớn, cho nên đều phải tưởng nhớ nó, vậy là liền dùng Bạch Mã để đặt tên cho tự viện. Ở Trung Hoa chúng ta thì Bạch Mã tự chính là ngôi đạo tràng chính thức đầu tiên cho tăng nhân ở, đây là nguồn gốc của tự. Do đó từ thời Hán Minh Đế, Vĩnh

Bình năm thứ 10 cho đến nay, công nguyên năm 67 đến nay, gần 2.000 năm rồi đều dùng danh xưng chữ “tự” này.

Tiện thể nhắc qua một chút, vừa rồi nói đến điền cô là người Trung Hoa ghi chép ngày sinh và ngày mất của Phật-đà. Ngài sinh vào thời Chu Chiêu Vương năm thứ 24, năm 1027 TCN, tức là đến thời hiện nay của chúng ta cũng được 3.000 năm rồi, hơn 3.000 năm, chúng ta năm nay là năm 2016. Người phương Tây ghi chép đến năm nay là 2.560 năm. Trên thực tế vì sao lại có sự chênh lệch lớn như vậy? Chênh lệch gần 500 năm, vấn đề này trong Văn Sao đại sư Ấn Quang đặc biệt nói rằng, ngày sinh của Như Lai nên dùng cách nói của người Trung Hoa thì tương đối đáng tin hơn, bởi vì người Trung Hoa đặc biệt xem trọng lịch sử.

Người nước ngoài, như người Ấn Độ họ không xem trọng lịch sử bằng người Trung Hoa. Đại khái bởi vì thứ nhất người Ấn Độ họ tương đối sùng bái tu tập thiên định, đều có thể lên đến trời Sắc giới, thậm chí trời Vô sắc giới. Ở trong những cảnh giới thiên định này có thể đột phá thời không, cho nên họ cho rằng thời gian đều là giả, không cần thiết phải ghi chép, cho nên ở phương diện này tương đối không coi trọng nhiều. Bạn xem trong kinh Phật cũng nói như vậy, “nhất thời” Phật ở nơi nào đó, thời gian đều dùng “nhất thời”, nhưng nói “nhất thời” là chính xác, vì sao vậy? Ở trong thiên định bạn có thể đến nơi Phật giảng kinh bất cứ lúc nào. Như đại sư Trí Giả, tuy sanh sau Phật 1.000 năm, nhưng ngài nhập Pháp Hoa tam-muội, ngài liền có thể đích thân đến núi Linh Thứu tham gia đại hội Pháp Hoa năm đó, đại hội Pháp Hoa trang nghiêm vẫn chưa kết thúc, cho nên chỉ có thể là nhất thời, hiện nay vẫn còn, vẫn đang mở. Trong thiên định họ có thể đột phá được không gian và thời gian, cho nên người Ấn Độ không quá coi trọng, liền thông qua nhất thời, như vậy đây là cách nói phù hợp nhất, cũng không ghi năm nào, tháng nào.

Người Trung Hoa thì đặc biệt chú trọng việc ghi chép thời gian, dùng giáp để tính, thiên can địa chi xếp như vậy, mỗi một triều đại đều có cách xếp của nó, còn có niên hiệu, quan Thái sử đều phải ghi chép rõ ràng, cẩn thận tỉ mỉ. Nếu dùng luận khảo chứng nhân gian chúng ta thì nên dùng cách tính của người Trung Hoa là chính xác nhất. Nếu nói về chân tướng sự thật thì nên dùng nhất thời mà Ấn Độ nói, bạn nhập thiên định là được rồi. Nhưng dấu sao chúng ta thuận theo tục đế, đại sư Ấn Quang nói nên căn cứ theo cách tính của người Trung Hoa. Cho nên Phật diệt độ chắc là hơn 3.000 năm rồi, đến năm nay là 3.043 năm, 2016 cộng thêm 1.027 thì

bằng 3.043 năm. Phạt nhập Niết-bàn vào thời Chu Mục Vương năm thứ 53, năm 947 TCN, vậy cách ngày nay là 2.963 năm, ở đây tiện thể nhắc qua một chút.

Chúng ta xem “thứ chín: vào tự viện”, chủ yếu là nói các quy tắc và nghi thức vào tự viện. Những điều này không chỉ chúng xuất gia, mà người tại gia cũng nên học tập. Điều thứ nhất:

“Đi vào cửa tự viện không được đi ở chính giữa, mà phải đi men theo bên trái hoặc bên phải. Đi bên trái thì bước chân trái trước, đi bên phải thì bước chân phải trước.”

Tức là bước vào cửa lớn của tự viện thì không được bước vào từ chính giữa, bước vào từ chính giữa thì có vẻ như bạn là một người rất có oai thế vậy, thể hiện rất ngạo mạn. Nhất định phải đi từ bên trái hoặc bên phải, đi sát sang bên, nếu “bên trái”, đi bên trái thì bước chân trái vào trước, nếu đi bên phải thì bước chân phải vào trước. Như chúng ta vào đại điện, bước qua ngưỡng cửa vào đại điện đều phải như vậy, không được sai chân, ở đây cần phải lưu tâm. Oai nghi chính là ở mọi nơi đều phải lưu ý, ở mọi nơi bạn có thể lưu tâm thì bạn sẽ không mất chánh niệm.

Về việc “không được đi ở chính giữa”, tức là không được từ giữa bước thẳng vào, nhà Nho cũng xem trọng oai nghi này. Trong Khúc Lễ của Lễ Ký nói rằng: “Bậc đại phu, kẻ sĩ ra vào cửa cung vua đều bước từ mé bên phải vào, không được giẫm lên ngưỡng cửa.” “Quyết” là chỉ ngưỡng cửa, “ngưỡng cửa” chính là khúc gỗ ngang, khúc gỗ ngắn dựng ở giữa cửa lớn, “vực” chính là ngưỡng cửa. Bậc đại phu, còn cả người trí thức ra vào cửa lớn của quốc vương đều phải đi từ mé cửa bên phải, không được giẫm lên bậc cửa, chính là ngưỡng cửa. Nếu giẫm lên ngưỡng cửa rồi bước qua, giẫm lên trên rồi mới bước xuống, đây là biểu hiện sự tự cao, ngạo mạn. Thứ hai là không thanh tịnh, bản thân không cung kính, cho nên không được làm như vậy. Chúng ta vào cửa chùa, càng phải tôn trọng hơn, bởi vì vào cửa chùa là vào điện của tam bảo. Vào điện của quân vương thế gian chúng ta còn phải cung kính, càng hướng hồ vào điện tam bảo. Do đó, nếu đi ở chính giữa thì chính là mạo phạm, không có tâm tôn kính, do đó nhất định phải tránh, đi sang mé bên trái hoặc phải.

Trong luật Tăng Kì cũng nói: “Hạ gót chân trước rồi mới hạ ngón chân.” Chúng ta bước đi chính là từng bước từng bước, giống như trâu chùa bước đi, voi chùa bước đi vậy. Trâu chùa, voi chùa bước đi đều rất an định, đi từng bước từng bước như vậy, hạ gót chân xuống trước, gót chân chạm đất trước, sau đó mới hạ

ngón chân, chứ không phải ngón chân chạm đất mà gót chân không chạm đất, điều này thế gian gọi là tướng không có phước báo. Do đó, bước đi cũng nhất định phải bước từ từ, không phải vội vàng hấp tấp.

Trong Sa-Di Luật Nghi Yếu Lược Tăng Chú, trong “tăng chú” luật sư Hoằng Tán nói rằng đi chính giữa chính là mạo phạm, không có lễ nghi tôn kính. Quan chức thấp vào nơi quan phủ, nha môn của thế gian còn không được đi ở chính giữa, càng hướng hồ vào nơi bảo điện của bậc pháp vương, chúng ta làm sao có thể không tránh sang bên trái phải mà đi cho được? Cho nên cất bước ra vào phải đi sát mé cửa, đi mé bên trái thì bước chân trái trước, đi mé bên phải thì bước chân phải trước.

Trong Tây Quốc Tự Đồ cũng có nói, khi ra vào, chúng ta bước vào đại điện đương nhiên mặt hướng về Phật, sau đó khi ở đại điện bước ra, trước tiên đều phải xoay người lại để mặt hướng về Phật. Khi lễ lạy tam bảo cũng phải thường nhớ nghĩ thể tánh của tam bảo chỉ duy nhất một loại, tam bảo là một thể. Giác ngộ các pháp viên mãn rồi thì gọi là Phật, pháp được giác ngộ chính là lý thể bốn giác, chính là pháp, chúng ta là người học Phật học đạo thì gọi là tăng, thể tánh của hết thầy phàm thánh vốn là giống nhau không hai, nên quán sát như vậy. Do đó ở đây chúng ta ra vào đại điện, vào thì không vấn đề gì, mặt chắc chắn hướng về Phật rồi, khi ra đều phải xoay người, xoay mặt lại hướng về Phật rồi đi ra, như vậy là phù hợp với oai nghi. Xoay người cũng là đi sang hướng bên trái và bên phải. Nếu bạn ra từ bên trái thì phải xoay sang bên trái, giống như xoay mình đi theo lề như vậy, mặt hướng về Phật. Ở bên phải, xoay qua bên phải như thế này, giống như xoay lưng đi theo mép lề như vậy, mặt hướng về Phật, đi ra như vậy. Đi ra đều có thể chấp tay xá một cái, đương nhiên không cần khom lưng, xá nhẹ là được rồi. Điều thứ hai:

“Không có việc thì không được vào đại điện dạo chơi.”

Tục ngữ cũng nói: “Không có việc không vào điện tam bảo”, đương nhiên ý nghĩa này cũng là nói từ trong luật. Hễ vào đại điện, đại hùng bảo điện, nếu không phải là thấp hương, cúng hoa, lễ Phật, trì tụng, làm các pháp sự thì bạn không được vào, không được tùy tiện vào đại điện. Nếu tùy tiện vào điện tháp dạo chơi, thậm chí ở trong đó cười đùa nói chuyện phiếm, làm một số việc không như pháp, thậm chí xỉ mũi, nhổ nước miếng làm dơ bẩn đất Phật thì mắc tội càng nặng hơn. Do đó vào đại điện hoặc là bạn làm việc quét dọn vệ sinh, hoặc là cúng dường, đốt hương cúng

hoa v.v., hoặc là bạn ở trong làm pháp sự, tu hành. Ngoài những việc này ra thì bạn vào đó làm gì? Cho nên ở trong đại điện đều phải vô cùng cung kính.

Điều này giống như hoàng đế ở thế gian, vào trong cung điện để bàn luận chính trị, văn võ bá quan nhất định phải đợi sau khi thông báo triệu kiến mới dám tiến vào, mới vào cung điện của hoàng đế. Hoắc Quang triều nhà Hán phò tá Chiêu Đế, ông ra vào cửa cung là “bước đến thềm cung điện đều không mất chừng mực”, bước đi đều rất có chừng mực, mỗi lần bước đi đều là con đường giống nhau, không mất chừng mực, mỗi thước mỗi tắc đều không sai, cũng tức là ông rất có quy củ, không lung tung, đây chính là biểu hiện ông cung kính, kính sợ hoàng đế. Cho nên trung thần thời xưa đều cung kính, kính sợ quốc vương như vậy, không mất chừng mực, đây mới là biểu hiện của tâm trung thành, chứ không phải tùy tiện, phóng dật, vô lý. Đối với hoàng đế thế tục còn đều phải như vậy, càng huống hồ là bậc pháp vương? Đại hùng bảo điện là bảo điện của bậc pháp vương thì càng không được tự dung tùy tiện vào dạo chơi, không có việc gì thì đừng đi lung tung ở trong đó. Điều thứ ba:

“Không có việc thì không được vào tháp.”

Tháp là đàn tràng thờ Phật của trời người, thông thường tháp là nơi thờ cúng xá-lợi, thờ cúng tượng Phật. Những tháp này chúng ta không được tùy tiện vào, lên đó. Nếu có xá-lợi và hình tượng của Phật ở trong đó thì giống như chúng ta nhìn thấy Phật thật vậy, càng không được tùy tiện. Đương nhiên nếu là vì cúng dường thì được, cúng dường hoa, hương, đèn, phan, việc này thì được. Nếu không có việc gì thì chúng ta không tùy tiện vào trong điện tháp, điều này phạm tội ngạo mạn.

Trong Tăng Chú, chính là Sa-Di Luật Nghi Yếu Lược Tăng Chú. Sa-Di Luật Nghi Yếu Lược là do đại sư Liên Trì của chúng ta biên soạn, Tăng Chú là do luật sư Hoằng Tán triều nhà Thanh biên soạn, là chú thích “yếu lược”. Ở đây trích dẫn lời văn của cổ đức: “Không có việc đừng vào điện Phật, nhàn rồi đừng vào trong tháp đi lại. Nếu vào đó mà không phải vì quét dọn, thêm hương cúng nước thì dù có phước như cát sông Hằng cũng tiêu hết.” Nghĩa là gì vậy? Là nói bạn không có việc gì, không có chuyện gì thì đừng vào trong điện Phật. “Đẳng nhàn” là nhàn rồi không có việc thì đừng vào trong tháp, ở trong tháp đi tới đi lui, dạo chơi, loanh quanh, ở đó tùy tiện phóng dật. Nếu không phải vì lau quét điện Phật hoặc thêm hương cúng nước, làm những việc cúng dường này mà bạn vào điện Phật dạo quanh, thì “dù có

phước như cát sông Hằng cũng tiêu hết”, dù bạn có phước đức như cát sông Hằng cũng sẽ mất hết, tiêu hết. Cho nên đây chính là một niệm tâm ngạo mạn làm tiêu hết tất cả phước báo. Do đó vào trong cửa tam bảo quan trọng nhất, trọng yếu nhất chính là tâm cung kính, nếu không phước báo này của bạn sẽ hết rất nhanh. Điều thứ tư:

“Vào trong điện tháp phải đi nhiều bên phải, từ Nam sang Tây, sang Bắc, sang Đông, không được di chuyển theo bên trái.”

Đây là nói vào trong điện Phật hoặc tháp Phật thì phải đi như thế nào? Từ hướng Nam sang hướng Tây, rồi sang hướng Bắc, rồi sang hướng Đông, tức là đi nhiều theo chiều kim đồng hồ, đây gọi là nhiều bên phải, không được đi ngược lại nhiều bên trái, nhiều ngược chiều kim đồng hồ. Trong luật Tăng-già nói lễ tháp Phật phải nhiều bên phải giống như mặt trời, mặt trăng, sao nhiều quanh núi Tu-di vậy, không được nhiều bên trái. Như vậy đều là phù hợp với quy luật tự nhiên.

Giống như khi Như Lai giảng sanh đi vòng quanh 7 bước cũng là từ Nam sang Tây sang Bắc, đi như vậy. Do đó chúng ta vào điện tháp thì phải đi nhiều bên phải như vậy. Nhiều bên phải cũng có ý nghĩa biểu pháp, chính là cung kính thuận theo đến cực điểm. Mọi việc đều có thể cung kính thuận theo thì tất cả mọi việc đều sẽ thành tựu. Trong Văn Câu Ký của kinh Pháp Hoa, “văn câu” là do đại sư Trí Giả trước tác, “ký” chính là chú giải “văn câu”, do đại sư Trạm Nhiên trước tác, nói rằng nhiều bên trái là thiên lệch khác thường, do đó thuộc về sự xấu ác, dùng nó để biểu thị pháp ác; nhiều bên phải là tiện lợi dễ dàng, cho nên là cát tường, biểu thị pháp thiện. Do đó như tóc của Phật là xoáy về bên phải, đây chính là biểu pháp, không phải xoáy sang bên trái. Bên trái chính là tả đạo, vừa nghe tả đạo cũng chính là bàng môn, bàng môn tả đạo chính là cửa nghiêng đường lệch, nhiều bên phải chính là chánh đạo. Điều thứ năm:

“Nhiều tháp hoặc là 3 vòng, 7 vòng cho đến 10 vòng, 100 vòng đều phải biết số vòng.”

Khi nhiều tháp chúng ta dùng số lẻ, nhiều 3 vòng, 7 vòng, đây đều có biểu pháp, đương nhiên 10 vòng, nhiều đến 10 vòng thì viên mãn rồi, biểu thị ý nghĩa viên mãn, thậm chí 100 vòng đều là biểu thị sự viên mãn. 3 vòng là biểu thị ba nghiệp thân khẩu ý, cũng biểu thị cúng dường tam bảo, là dùng ba nghiệp thân khẩu ý của chúng ta để cúng dường tam bảo, đương nhiên cũng biểu thị đoạn trừ ba độc tham sân si, diệt trừ ba đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, là ý nghĩa biểu pháp này.

“7 vòng” là biểu thị 7 loại tội lỗi của thân khẩu chúng ta, thân 3 khẩu 4, thân có sát sanh, trộm cắp, tà dâm, miệng có nói dối, nói thêu dệt, nói ly gián, nói thô ác, 7 loại này đều phải đoạn trừ. Đạt được thất giác chi, chính là từ *trạch pháp giác chi* cho đến *niệm giác chi*, 7 giác chi này. Trong Di-đà Yếu Giải nói đến 37 phẩm trợ đạo, chúng tôi đều giảng qua rồi.

Còn 10 vòng là biểu thị trừ bỏ 10 sử, 10 loại phiền não, đều là kiến tư phiền não, chính là tham sân si mạn nghi, 5 loại này là tư hoặc; còn có ác kiến cũng bao gồm 5 loại kiến hoặc, gọi là thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ kiến, giới thủ kiến, gộp lại gọi là 10 sử. Nghĩa là đoạn trừ 10 loại kiến tư phiền não, đạt được 10 lực của Phật, thập lực, là biểu thị cái pháp này, thập lực vô úy. “100 vòng” cũng là biểu thị đoạn trừ 100 loại phiền não đạt được 100 pháp môn v.v..

Nhiều Phật biết được số lần mình nhiều, nếu bạn không biết thì bạn chắc chắn ở trong vô minh rồi, tư tưởng không tập trung, khi nhiều thấp mà tâm nghĩ sang chuyện khác, không chuyên chú. Do đó, khi nhiều thân đi nhiều, miệng có thể xưng niệm, niệm A-di-đà Phật cũng được, xưng niệm những pháp vừa nói cũng được, tâm cũng phải biết số lần; hoặc trì chú, có người trì chú cũng được, niệm Phật cũng được. Ví dụ nói bạn niệm chú vãng sanh, nếu thấp không lớn, bạn niệm một biến từ đầu đến cuối thì vừa hay nhiều xong một vòng, vậy bạn đếm xem mình có thể nhiều bao nhiêu vòng. Điều này là rèn luyện bản thân mọi lúc mọi nơi giữ gìn được chánh niệm.

Tôi nhớ có một lần cùng lão hòa thượng ra ngoài, lúc đó còn mới, tôi vẫn dạy học ở trường đại học Úc Châu. Có một lần cùng lão hòa thượng sang Nhật Bản, sang Nhật Bản đi lễ bái một ngôi đạo tràng cổ, từ bậc đá đi lên, sau đó trở lại, lúc đó tôi cũng đi xuống. Sau khi đi xuống thì lão hòa thượng hỏi tôi: “Vừa rồi chúng ta bước bao nhiêu bậc?” Tôi không trả lời được, lão hòa thượng đã trả lời được. Ở nơi đâu lão hòa thượng cũng đều rất có chánh niệm, tâm rất tịch tĩnh, quan sát sự vật xung quanh rất nhạy bén, không như tâm người thông thường chúng ta đều ở trạng thái vô minh mơ hồ, hôn trầm. Do đó, bình thường bản thân phải rèn luyện chánh niệm của mình nhiều hơn, bình thường bạn có thể rèn luyện chánh niệm thì tự nhiên bạn có thể niệm Phật được nhất tâm.

Do đó khi đi nhiều, bởi vì chúng ta nhiều thấp Phật thì cũng nên nhớ Phật niệm Phật, “nhớ Phật niệm Phật, hiện tiền tương lai, nhất định thấy Phật, cách Phật

không xa, không cần phương tiện, tự đắc tâm khai”. Đừng để bản thân rơi vào trong tánh vô ký. Tâm chúng ta chia thành ba loại: thiện, ác, vô ký. Vô ký tức là không thiện cũng không ác, thuộc về vô minh, trạng thái vô minh. Cũng đừng khởi vọng tưởng, cũng đừng rơi vào vô minh, trong tâm niệm Phật giữ chánh niệm, đây gọi là nhất tâm bất loạn. Bạn dùng nhất tâm bất loạn để nhiều tháp thì việc nhiều tháp này liền có công đức. Tiếp theo điều thứ sáu:

“Không được đem nón gậy v.v. dựa vào vách tường chánh điện.”

“Nón gậy”, ví dụ khi trời mưa chúng ta có ô, có mũ nón, ví dụ như chúng ta đến đại điện, ở nơi đây thì phải đi một đoạn đường ở ngoài trời, đương nhiên hiện nay các cư sĩ đã xây một hành lang có mái che, như vậy còn tốt một chút, trước đây không có, đi qua đều phải dùng ô, những vật này đều không được tùy tiện dựa vào vách tường đại điện. Bạn đến đại hùng bảo điện mà dựng ô vào vách tường đại điện như vậy là không như pháp. Ở đây nói nếu bạn đem gậy, những thứ như mũ nón, thậm chí bất cứ thứ gì như ô v.v. dựa vào tường chánh điện, thì dù bạn có nhiều phước báo như cát sông Hằng cũng sẽ tiêu hết.

Đương nhiên thông thường mà nói, người xuất gia không được dùng gậy, bình thường không giữ gậy, thông thường những thứ như gậy không được giữ. Đương nhiên có trường hợp khai duyên, nếu vì đi xa, hoặc người già có bệnh thì cho phép chống gậy, cầm gậy, nhưng nhìn thấy hai vị thầy hòa thượng, a-xà-lê, còn có thượng tọa, tôn túc thì đều phải “để gậy mũ nón xuống đất”. Lúc đầu bạn cầm gậy hoặc cầm ô, cầm mũ nón, lúc này hãy nhanh chóng để xuống, đặt xuống đất, sau đó xá chào hành lễ. Nếu gặp những bậc sư trưởng như hòa thượng, thượng tọa, a-xà-lê mà không làm như vậy thì chúng tỏ họ ngạo mạn. Bạn xem trong giới tỳ-kheo có một điều là “không được nói pháp cho người chống gậy”. Điều này nên học tập, vì sao vậy? Bởi vì họ cầm gậy mà không bỏ xuống là biểu hiện của tâm ngạo mạn. Sự ngạo mạn này của bạn chẳng những là ngạo mạn với người mà còn ngạo mạn với pháp, cho nên không thể nói pháp cho bạn được. Điều này chứng tỏ cầm gậy, tức là đối với người cầm gậy đều có biểu hiện của tâm ngạo mạn.

Điều này chẳng những nhà Phật, mà ngay đến nhà Nho cũng có lễ nghi như vậy. Trong Lã Thị Xuân Thu nói đệ tử của Khổng tử: “Ôm gậy hỏi thăm cha, chống gậy hỏi thăm anh em, kéo gậy hỏi thăm vợ con.” Tức là khi hỏi thăm người, như cửa Phật là thỉnh pháp, đệ tử Khổng môn rất chú trọng lễ nghi, hỏi cha thì ôm gậy để hỏi

thăm, hỏi thăm cha của họ, đây là hành lễ, “Chống gậy hỏi thăm anh em”, chống gậy để hỏi thăm anh em, như vợ con thì lời, kéo gậy để hỏi thăm vợ con, đây đều là thể hiện thứ tự luân lý, trên dưới đều có chừng mực.

Tại sao không được để mũ nón gậy dựa vào vách tường chánh điện? Vì sẽ phạm tội khinh mạn. Trong kinh Bảo Lương có nói trước đây có một vị hiền giả, trên mặt ông hiện rõ đường nét của một vị vua, người xem tướng sẽ nhìn thấy đường âm đức, tức là phước báo của bạn đã biểu hiện ra rồi, tương lai sẽ làm vua. Vậy là thầy xem tướng đã gả con gái mình cho ông, hạ thủ trước là hơn. Sau đó vị hiền nhân này vào trong chùa, bởi vì hiền nhân chắc chắn rất có đạo đức, chính vì có đạo đức mới có phước báo, song ông đã làm sai một việc, ông cầm gậy dựa vào vách tường của chùa, là sự việc sanh tâm ngạo mạn này, kết quả trên mặt đã mất đi đường nét của quốc vương, đường âm đức này mất rồi. Cho nên sau này thầy xem tướng này có thể cũng nhìn thấy, “không được rồi, không thể gả con gái cho hấn được”. Ông chẳng những mất vợ, hơn nữa còn bị đọa đại địa ngục, đây thật sự là đã mất phu nhân lại tổn binh, đã mất vợ còn phải đọa địa ngục, chính là vì tâm ngạo mạn này của ông. Cho nên tâm ngạo mạn vừa khởi, nếu đối trước thắng cảnh tam bảo mà bạn ngạo mạn thì phước báo lập tức liền tiêu hết, hơn nữa giờ tay nhắc chân đều sẽ phạm tội, cho nên làm sao có thể không nghiêm túc cẩn thận cho được?

Lại có ghi chép là trước đây tổ thứ 25, Thiền môn ghi chép tổ thứ 25, tức là ở Ấn Độ bắt đầu tính từ tôn giả Đại Ca-diếp, đức Phật cầm hoa, ngài Ca-diếp mỉm cười, đây là truyền Thiền tông, dùng tâm ấn tâm. Ngài Ca-diếp là sơ tổ, đến tổ sư Đạt-ma là tổ thứ 28, tổ thứ 25 tên là tôn giả Bà-xá-tư-đa. Bảy kiếp trước, khi ngài sắp chứng được Nhị quả rồi nhưng do tội ngạo mạn dùng gậy dựa vào vách tường chánh điện, kết quả khi ấy đã không chứng được Nhị quả, làm lỡ mất nhân duyên chứng quả của mình.

Do đó một niệm tâm ngạo mạn khởi lên cũng là trăm vạn cửa chương ngại mở ra, đây không chỉ là khởi tâm sân, kỳ thực gốc của sân vẫn là ngạo mạn. Vì sao con người nổi giận, buồn bực, tức giận vậy? Chính là vì trong tâm có ngạo mạn. Nhìn thấy lỗi lầm của người khác, nhìn thấy người ta không bằng mình, hoặc hành vi cử chỉ của họ không bằng mình, hoặc tri kiến, kiến đế của họ không bằng mình, nên liền dựa vào đó sanh khởi tâm ngạo mạn, sau đó nghiêm trọng hơn là biến thành sân giận, cho nên những tâm này đều phải đối trị. Hễ bản thân vừa khởi lên những ý

niệm sân giận này, thậm chí những dao động cảm xúc chút xíu rất nhỏ ở trong tâm phải lập tức hồi quang phản chiếu, đây chính là có tâm ngạo mạn khởi lên. Một niệm tâm ngạo mạn khởi lên cũng là trăm vạn cửa chướng ngại mở ra, bản thân bạn vốn có phước báo, phước báo, phước báo nhiều như cát sông Hằng cũng sẽ tiêu hết, vốn dĩ tu hành có thể chứng quả, kết quả không chứng được, bạn xem đáng sợ biết bao. Cho nên những việc này đều là chỗ chúng ta quán chiếu, do đó phải nghiêm túc học oai nghi, môn oai nghi chính là một tấm gương. Lấy oai nghi làm gương soi bạn liền biết tập khí phiền não của mình, nó không thể ẩn giấu được, bạn vừa soi là liền biết ngay.

Trong Giáo Giới Tân Học tỳ-kheo Hành Hộ Luật Nghi, đây là sách do luật tổ Đạo Tuyên trước tác, lời văn trong đó nói: “Không được đóng đinh phá tường, không được vẽ chữ lên cửa và tường, không được ngâm vịnh dưới hành lang, không được đi guốc gỗ và cầm guốc gỗ, ủng vào trong điện tháp.” Tuyên tổ, luật sư Đạo Tuyên đều căn cứ theo luật tạng mà biên tập ra. Vì lý do này, phạm là những việc thiếu mất oai nghi chúng ta đều phải sám hối tội lỗi, tỳ-kheo, sa-di đều phải sám hối, đều sám hối tội ở chương thứ năm. Ở đây nói “không được đóng đinh phá tường”, đây là tường của đại điện, tường của pháp đường, tùy tiện đóng đinh vào tường phá hoại vẻ bề ngoài, đây cũng là ngạo mạn, không cung kính. Đương nhiên nếu để treo tượng Phật, những việc này đương nhiên cần thiết, là được phép. Ở đây nói “không được đóng đinh phá tường” nghĩa là phá hoại vẻ bề ngoài của tường.

“Không được vẽ chữ lên cửa và tường”, tùy tiện viết chữ, điều này không được. Ở đây không nói nhất định là đại điện, mà bất cứ nơi nào, bạn viết chữ lên cửa phòng cũng không đúng; thậm chí tường nhà vệ sinh, cửa nhà vệ sinh cũng không được tùy tiện viết chữ. Đặc biệt ở trong đạo tràng thường trụ, đạo tràng thập phương, vật thường trụ làm sao có thể làm hư hỏng như vậy được? Tường vách cũng vậy, không có việc gì, không có nhân duyên cũng không được đóng đinh, đều là vật của thường trụ nên đều phải trân quý. Cũng không được ngâm vịnh dưới hành lang, bạn ngâm thơ, tụng văn ở dưới hành lang, người ta đang kinh hành dụng công ở dưới hành lang mà bạn lớn tiếng nói ở đó, tụng niệm ở đó, như vậy cũng không tốt, mà phải tìm một nơi có thể dành riêng để tụng niệm.

Vào điện tháp cũng không được đi guốc gỗ, dép lê triều nhà Đường đều là dùng gỗ để làm ra, guốc gỗ. Như hiện nay ở Nhật Bản vẫn đi guốc gỗ, kỳ thực tất cả

thói quen sinh hoạt của Nhật Bản hiện nay gần như đều bắt đầu truyền qua từ thời nhà Đường. Bạn xem áo Ki-mô-nô, nữ chúng mặc áo Ki-mô-nô, kỳ thực những năm đầu đều gọi là “Ngô phục”, thời Tam Quốc đã có rồi, rất nhiều phương thức đời sống kỳ thực đều là của người Trung Hoa, người thời xưa. Dép lê của chúng ta hiện nay cũng vậy, đương nhiên guốc gỗ ở đây bởi vì đi ở bên ngoài, vậy bạn nhất định phải thay ra. Nếu chúng ta vào đại hùng bảo điện, mùa đông tương đối lạnh, chúng ta có thể thay sang dép chuyên dùng ở trong đại điện, như vậy cũng được. Ở đây ngài chủ yếu nói bạn đi guốc gỗ đi lại ở bên ngoài, sau đó lại đi vào trong đại điện sẽ làm bẩn khoảng đất thanh tịnh trong đại điện. Ở Ấn Độ, bởi vì thời tiết nóng nên không có vấn đề này, như hiện nay lúc lạnh nhất đại khái cũng ít nhất đều là 25, 26 độ, lúc nóng nhất là 45, 46 độ, cho nên họ đi chân đất vào đại điện.

Hơn nữa trước khi vào đại điện đều phải rửa chân, rửa sạch sẽ rồi mới có thể vào trong, đây đều biểu thị sự cung kính đối với Phật, không thể chân rất bẩn, thậm chí đi cả giày dơ vào trong, như vậy không tốt. Có khi dép của chúng ta đi ở bên ngoài, thậm chí vào nhà vệ sinh, nhà vệ sinh công cộng bên ngoài rất bẩn. Bạn giẫm lên đó rồi lại bước vào đại điện, đây đều là không cung kính. Cho nên chúng ta ở đây vào trong đều đổi dép, việc này rất tốt, hoặc hiện nay tiện lợi hơn, trực tiếp lấy túi bọc giày bọc vào, như vậy cũng vẫn được, cũng không được cầm dép bẩn, dép bẩn đi bên ngoài, đi guốc gỗ, ủng vào trong điện đường. Thật sự cần cầm vào cũng phải bọc lại cẩn thận bỏ vào trong túi. Đương nhiên không có việc gì thì đừng cầm giày vào trong, bởi vì điện đường không cần thiết cầm vào. Nếu không sẽ chiêu cảm, ví dụ bạn đi giày bên ngoài vào đại điện sẽ chiêu cảm quả báo sanh vào đất nước móng ngựa, tức là bạn sanh vào loài ngựa. Ví dụ nói ngựa có móng, bạn luôn đeo ủng, vậy tốt rồi, cho bạn vĩnh viễn mang móng, chịu quả báo này. Điều thứ bảy:

“Không được đi guốc gỗ v.v. vào trong điện tháp”

Ý nghĩa này cũng giống như vậy. Điều thứ tám:

“Không được cầm guốc gỗ v.v. vào trong điện tháp”

Điều này vừa nói rồi. Oai nghi cung kính Phật này là vì Phật là bậc pháp vương, ngài là tấm gương duy nhất siêu xuất thế tục, trên cầu đạo chánh giác của chư Phật đã rớt ráo viên mãn rồi, có tâm đồng thể đại bi, thương xót thế gian, giáo hóa chúng sanh, lợi ích hết thảy kẻ khốn khổ, ân đức của ngài đối với chúng sanh vô cùng sâu dày, cho nên chúng ta nhất định phải hết lòng tôn trọng, cung kính. Cũng cầu bản

thân có thể được độ, giải thoát sanh tử vãng sanh Tịnh độ. Do đó đối với tháp miếu, những nơi có thể lợi ích cho trời người, chúng ta đều phải hết lòng cung kính, phải dùng tâm chí thành, vào trong điện tháp để cúng dường, để lễ kính, không được dùng tâm khinh nhờn, khinh mạn ngạo mạn mà không cung kính, đây là nói oai nghi vào tự viện. Tiếp theo chúng ta xem môn thứ 10:

“Thứ 10: theo chúng vào thiền đường”

Nhập đường chính là vào thiền đường, đương nhiên trên nghĩa rộng là bao gồm vào pháp đường, niệm Phật đường, vào đại điện, những phòng này. Phải nhiếp tâm không tán loạn, đây gọi là “thiền”, “đường” là nơi rèn luyện anh tài, cho nên chúng ta vào trong này cũng phải cung kính. Phương pháp tu hành trong đó không giống nhau, nếu tham thiền ở trong này thì chúng ta gọi là thiền đường; niệm Phật ở trong này thì gọi là niệm Phật đường, trong kinh Đại Tập nói niệm Phật cũng là tham thiền thâm diệu vô thượng. Nếu nghiên cứu kinh giáo, như chúng tôi giảng pháp thì đây gọi là pháp đường. Ở trong này tâm chúng ta phải rất chuyên chú, không được phân tán, bản thân có thể kính pháp, có thể giữ quy củ, đây là tự tôn tự trọng. Tăng có thể tự trọng thì Phật pháp tự nhiên cũng có thể được tôn trọng. Nếu bản thân không tôn trọng quy củ, cũng tức là tự khinh thường mình, không tự trọng, không tự tôn, vậy đương nhiên Phật pháp cũng bị người khinh thường, bản thân bạn cũng bị người khinh thường. Do đó ở đây nói “theo chúng nhập đường”, tức là vào những phòng như thiền đường, pháp đường, chúng ta phải theo đại chúng, đừng nào loạn đại chúng, là nói những nghi thức này. Thứ nhất:

“Trên đơn không được giữ áo chăn phát ra âm thanh, tiếng gió khiến người ở đơn bên cạnh động niệm.”

Đơn chính là giường thiền của tăng nhân. Như niệm Phật đường, mọi người đến lầu niệm Phật để niệm Phật, cả Phật thất đó đều thuộc về giường thiền. Giường này không nhất định chỉ để ngủ, chỗ cỏ nhân ngồi cũng đều gọi là giường. Hiện nay rất nhiều tông lâm đạo tràng còn lưu lại thiền đường từ thời xưa, đều có thể nhìn thấy. Thiền đường của họ có mỗi một cái đơn, tức là giường mà mình ngồi đều có dán tên của mình, từng vị trí, từng vị trí gọi là “vị trí đơn”. Mỗi một người, ở vị trí đơn của mình, không được ở trên đó “giữ áo chăn” phát ra âm thanh hoặc tiếng “gió”, hành động như vậy phát ra âm thanh sẽ khiến người động niệm, điều này sẽ khiến

người khác sanh phiền não. Vậy hành vi của mình cũng rất thô tháo, hơn nữa nếu y phục chần mền của bạn có bụi bẩn mà giữ lên thì sẽ làm bẩn người khác.

Cổ đức nói: “Thà động nước ngàn sông, chứ không động tâm người tu đạo”, đặc biệt là thiền đường, pháp đường, niệm Phật đường, đây đều là những nơi dụng công. Người ta vì muốn liễu sanh tử mà bạn phát ra âm thanh rất lớn, chói tai, khi tâm người ta tĩnh lặng thì dù một chút động tịnh nhỏ đều sẽ rất chói tai, chỉ là tâm bạn quá thô cho nên bản thân bạn không cảm giác được. Tâm người ta rất thanh tịnh giống như nước hồ vậy, một hòn đá nhỏ xíu rơi xuống nó cũng đều gợn sóng, cho nên chúng ta phải bảo hộ tâm niệm này của đại chúng, toàn bộ đạo tràng đều phải ở trong bầu không khí tịch tĩnh như vậy, điều này rất có lợi cho việc tu đạo. Cho nên vì sao đạo tràng thời xưa có người có thể khai ngộ, chúng ta hiện nay dường như rất ít, không nghe thấy đạo tràng nào đó có người khai ngộ, có người niệm Phật nhất tâm bất loạn, rất ít, tức là hoàn cảnh quả thực không bằng trước đây.

Đương nhiên bản thân chúng ta tu hành phải yêu cầu chính mình đừng để cảnh bên ngoài ảnh hưởng, không được để sự động tịnh của người khác làm phiền đến mình mà sanh phiền não, vậy tâm thanh tịnh của bản thân bạn cũng bị phá hoại rồi, cho nên hai bên đều phải bảo hộ. Tôi vừa bảo hộ người khác không động niệm, tôi vừa bảo hộ bản thân cũng không động niệm, như vậy mới được. Người chân tu hành cũng không oán trách cảnh giới, dù họ đến quấy nhiễu ý niệm của bạn thì đó cũng là quả báo của bạn, có thể là do đời trước bạn đã quấy nhiễu người ta. Họ quấy nhiễu bạn, bạn vừa khởi phiền não thì đã kết oán với họ rồi, đời sau bạn lại nhiều loạn họ, oan oan tương báo không ngừng không dứt. Hơn nữa “từ việc rất nhỏ tạo thành hậu quả rất lớn”, oán thù này càng kết càng sâu, những việc này bản thân chúng ta phải quán chiếu. Tông lâm chính là như vậy, đại chúng tăng ở cùng nhau đều là vì liễu sanh tử, vì thành Phật đạo, gọi là ai tu của người nấy, mọi người đi cùng nhau đều phải tuân thủ quy củ, giống như trong rừng rậm rất nhiều cây cối mọc cùng nhau, kỳ thực đều rất có quy củ, cũng không tạp loạn. Tiếp theo điều thứ ba:

“Xuống giường niệm thầm bài kệ: từ sáng giờ Dần suốt đến tối, mọi chúng sanh lánh giữ lấy mình, nếu dưới chân táng thân mất mạng, nguyện người tức thời sanh Tịnh độ.”

Điều vừa nói là ở trên giường, ở đây là nói sắp xuống giường. Thời xưa có thể họ thật sự dụng công ngồi thiền suốt đêm trong thiền đường, đều không nói về nhà

đi ngủ, cho nên đến sáng sớm, giờ Dần chính là 3 giờ sáng, là có thể xuống giường rồi. Xuống giường, ngồi xếp bằng khi buông chân ra, sau đó phải niệm thầm trước, niệm thầm một bài kệ, vì sao phải niệm thầm? Bởi vì bạn niệm ra tiếng có thể người ở đơn bên cạnh bị bạn ảnh hưởng, nên đều phải rất nhỏ tiếng, không được phát ra tiếng động rất lớn. Điều này cũng đều là bảo hộ người khác, cũng là bảo hộ tâm thanh tịnh của chính mình.

Lúc này bởi vì vừa mới chuẩn bị xuống đơn vẫn chưa kịp súc miệng, vậy chúng ta nên niệm thầm. Bởi vì trước khi chưa súc miệng, trong miệng có thể không sạch sẽ, nên đừng dùng miệng phát ra âm thanh, cũng không quấy nhiễu người khác, cho nên phải niệm thầm trong tâm mình. Từ sáng đến tối, “từ sáng giờ Dần”, giờ Dần chính là 3 giờ đến 5 giờ, “Đán” chính là sáng sớm, “suốt đến tối”, cho mãi đến cuối ngày, sau khi hoàng hôn thì phải nghỉ ngơi. Từ sáng đến tối đều hy vọng “mọi chúng sanh” có thể “lánh giữ lấy mình”. Chúng sanh, ví dụ những côn trùng nhỏ trên đất, đương nhiên chúng ta không có tâm làm tổn hại chúng, nhưng có khi cũng có thể không cẩn thận giẫm phải, cho nên phải cầu nguyện trước, cũng cầu Phật Bồ-tát gia trì khiến những chúng sanh này đều tự bảo vệ được mình, đừng để tôi giẫm bị thương, bản thân chúng sẽ tránh né trước.

“Nếu dưới chân táng thân mất mạng”, nếu nhỡ ở dưới chân tôi vô tình tổn thương chúng sanh này, khiến chúng mất thân hình, tức là mất tính mạng, thì nguyện nương nhờ sức mạnh của bài chú nguyện này mà người có thể lập tức sanh về Tịnh độ, tức là thế giới Tây Phương Cực Lạc, cho nên lúc ấy niệm bài kệ tụng này. Bài kệ tụng này bình thường niệm như vậy, mỗi ngày dưỡng thành thói quen thì niệm lực này cũng có một công năng hộ giới vô cùng tốt. Điều này thuộc về ý niệm ngừng dứt pháp ác, từ bi cứu giúp chúng sanh, đây cũng là ý nghĩa “tức từ” của sa-di, “tức” là ngừng dứt pháp ác, “từ” là từ bi cứu giúp chúng sanh. Rất nhiều năm tôi cũng đều niệm bài kệ này, quả thực bản thân có cảm giác bình thường dường như cơ hội sát hại chúng sanh rất ít. Thứ ba:

“Không được lớn tiếng nói to.”

Thiền đường là nơi kiểm nghiệm rỗng rảnh, cho nên hễ vào trong thiền đường thì nhất định phải tuân thủ quy định. Niệm Phật đường của chúng ta cũng giống như thiền đường, nếu bạn ở trong đó lớn tiếng nói to, không coi ai ra gì, thì đây chính là biểu hiện thái độ của người ngông cuồng, người này làm sao có thể thành tựu cho

được? Nếu mọi người đều như vậy thì sẽ quấy nhiễu nhiều người dụng công bên trong, tội lỗi này rất lớn.

Do đó chúng ta xuất gia làm sa-môn đều phải biểu hiện ra tâm khiêm cung nhu hòa, tịch tĩnh hòa nhã, như thế là phù hợp với quy củ, phải dưỡng thành tâm cảnh hòa nhã này, đừng luôn dùng tâm trái nghịch, rất không cung kính, đặc biệt đối với người bề trên, đối với sư trưởng có giới lập cao hơn mình, chúng ta đều phải học cách nhu thuận. Khi nói chuyện có thể ôn hòa mà không lỗ mãng, không lớn tiếng. Bạn xem Đệ Tử Quy cũng nói, hề nói chuyện âm thanh đều phải nhỏ nhẹ, không được rất thô tháo, lớn tiếng gắt gỏng, như vậy không phù hợp với oai nghi của bậc sa-môn. Tiếp theo điều thứ tư:

“Vén rèm nhẹ tay, tay trái phải đỡ phía sau.”

Ở đây nói vén rèm, bạn xem oai nghi này tỉ mỉ biết mấy, trong Đệ Tử Quy cũng nói “vén rèm nhẹ, chớ ra tiếng”, đây đều là biểu hiện ra tâm khiêm cung, từ việc vén rèm cửa cũng có thể rèn luyện được tâm khiêm cung của chúng ta. Ở đây nói “tay trái phải đỡ phía sau”, “hậu thủ” tức là tay trái, dùng tay trái để đỡ rèm, từ từ vén rèm lên, đỡ lấy dùng để rèm đột nhiên rơi xuống, như vậy rất dễ hư hỏng, hơn nữa sẽ phát ra âm thanh, phải từ từ dùng tay phải để đỡ rèm. Khi vén rèm chúng ta cũng phải nghĩ đến “rèm chính là liêm”, liêm trong từ liêm sỉ, chúng ta làm người phải có liêm sỉ, hiểu được tâm liêm sỉ. Chiếu rèm này là để che đi sự nhục nhã, cho nên vua có bình phong bên ngoài, tấm bình phong bên ngoài phòng, chư hầu dựng bình phong trong phòng, đại phu thì dùng rèm, nhân sĩ dùng màn, đều là biểu pháp dùng để che đi sự hổ thẹn. Cho nên, chúng ta nghĩ đến chúng ta đều phải có tâm hổ thẹn, hổ thẹn khi làm việc ác, đừng làm việc xấu ác, làm ác là nhục nhã. Tiếp theo điều thứ năm:

“Không được kéo lê dép phát ra âm thanh.”

Điều này nói chúng ta đi giày, đặc biệt là dép lê, bạn kéo lê trên đất mà không nhắc chân lên thì sẽ phát ra âm thanh này. Bởi vì bản thân đều ở trong trạng thái vọng tưởng hoặc vô minh, bản thân căn bản không cảm nhận được, nhưng người tâm thanh tịnh sẽ biết âm thanh của bạn rất khó nghe, cho nên rất chói tai, do đó ở những phương diện này chúng ta đều phải chú ý. Như chúng ta ở trong đại điện kinh hành nhiều Phật, bởi vì đều đi dép lê, bởi vì đế dép có nhựa, kéo lê trên đất sẽ phát ra âm thanh. Nếu bạn không nhắc chân lên mà kéo lê như vậy, thứ nhất bản thân bạn có tướng giải đãi tán loạn; thứ hai bạn cũng quấy nhiễu tâm thanh tịnh của người

khác, làm người ta động niệm, cho nên những điều này chúng ta đều phải chú ý. Nếu có phạm thì cần phải sám hối tội lỗi, nghĩa là Phật đã chế định chúng ta không được làm như vậy.

Dương nhiên không chỉ như vậy, từ câu này suy rộng ra, ví dụ khi chúng ta đi dép, lấy dép từ tủ giày dép ra, nếu tâm bạn cũng không tập trung, vút dép từ trên cao xuống, vút xuống đất “bộp” một tiếng lớn, như vậy thì càng không tốt, làm người ta giật mình một cái, mà bản thân bạn lơ đãng vô cảm, không biết gì hết thì chúng tỏ tâm quá thô phù. Do đó đều phải cẩn thận, thận trọng, cung kính đặt dép xuống đất, sau đó đổi dép, phải cẩn thận để dép vào trong tủ giày dép, đừng vút tùy tiện. Kể cả bạn mở cửa, đóng cửa đều phải nhẹ nhàng đừng tùy tiện, thờ ơ làm cửa “rầm” một cái, phát ra một tiếng lớn, đây chính là nhiễu loạn người khác, cũng không cung kính vật của thường trụ.

Dương nhiên như chúng ta ở đây ngoài chấp sự ra thì những thanh chúng khác như chúng ta đều không được phép dùng điện thoại. Nếu tín chúng hoặc nghĩa công bên ngoài đến tham gia pháp hội, thì trước đó bản thân đều phải nghĩ đến việc phải tắt điện thoại đi, chí ít phải bật chế độ rung, đừng quấy nhiễu người khác. Người ta đang tùy văn nhập quán, lúc này sắp khai ngộ rồi mà tiếng chuông “tinh tinh tinh” vang lên thì bao nhiêu công lao đều đổ sông đổ biển hết. Cho nên những điều này đều cùng một đạo lý, không chỉ nói “không được kéo lê giày dép phát ra tiếng”, không phải bạn học một câu thì chỉ biết một câu, mà phải học một biết mười, nghe một hiểu mười, thậm chí một nghe ngàn ngộ, vậy mới là biết học. Thậm chí nếu bạn làm việc, làm việc cho đại chúng tăng, ví dụ rửa rau thì đừng mấy người vừa rửa rau vừa lớn tiếng nói cười. Có khi tôi ở lầu 3 cũng nghe thấy tiếng nói cười lớn ở dưới tầng 1, đều ở phía dưới gói sủi cải, hay là rửa rau, đúng lúc đưa ra một chủ đề là nói mọi chuyện trên trời dưới đất. Hoặc khi rửa bát cũng phải nhẹ nhàng, nếu bát đó là bát sứ mà bạn dùng lực quá mạnh thì sẽ nứt mẻ, vỡ hỏng, vậy vật của thường trụ bị tổn hại rồi. Nếu mình làm tổn hại, dùng tâm bất cần vô tâm làm hỏng thì theo lý đều phải bồi thường, nếu không chính là thuộc về tổn hại vật của thường trụ. Nếu không phải rửa bát sứ, mà bạn rửa bát inox thì trái lại không vấn đề gì, bát inox đó rơi thế nào cũng không hỏng được, vậy là làm ra tiếng leng keng chấn động trời đất, quấy nhiễu người khác như vậy cũng không tốt.

Nấu cơm hay thái rau đều phải bảo hộ sự yên tĩnh của toàn bộ đạo tràng. Như vận chuyển, có khi nghĩa công chúng ta phải vận chuyển đồ đạc thì cũng phải chú ý, có một số đồ rất to rất lớn, khi bạn vận chuyển có thể không nghĩ đến việc phải cầm lên để xuống nhẹ nhàng, vừa vớt một cái, bản thân vật đó rất nặng, tôi lấy ví dụ để nói, ví dụ một thanh thép hoặc những thứ dây thép gì đó v.v., những thứ vật liệu xây dựng, nếu bạn không chú ý thì vừa vận chuyển liền phát ra tiếng “rầm rầm rầm rầm.” Lấy những ví dụ này, chúng ta có thể từ ví dụ này suy rộng ra mà nghĩ đến tất cả mọi việc chúng ta đều phải nhỏ tiếng, phải bảo hộ đạo tràng, bảo hộ đại chúng, đừng phát ra âm thanh quá lớn, trừ khi đã tận sức rồi, bắt đắc dĩ phát ra âm thanh, nếu không chúng ta đều phải hết sức chú ý. Tiếp theo điều thứ sáu:

“Không được ho lớn tiếng.”

Ho có tiếng mà không có đàm thì gọi là “khái”, có đàm mà không có tiếng thì gọi là “thấu”, “khái thấu” hợp lại, tức là cổ họng, yết hầu chúng ta không tốt, có đàm hoặc không có đàm đều ho. Nếu chúng ta ở những nơi như thiền đường, hoặc niệm Phật đường, hoặc pháp đường thì đều phải bảo hộ đại chúng. Khi thật sự bị bệnh bắt buộc phải ho thì đều phải nhỏ tiếng, có thể nhẫn được thì hết sức nhẫn. Ở bên ngoài thiền đường thì có thể ho, ở trong thiền đường thì không nên làm như vậy. Muốn ho, thật sự không thể nhẫn được thì chúng ta lấy tay áo che miệng lại, hết sức nhỏ tiếng. Đương nhiên trừ việc ho ra, những âm thanh khác, trong thân thể bạn phát ra âm thanh đều phải cố gắng điều chỉnh nó xuống mức nhỏ nhất.

Phía trên ợ nấc, phía dưới xì hơi, những việc như vậy đều phải nhỏ tiếng, nếu không sẽ khiến người khác động niệm. Đương nhiên nói đến vấn đề xì hơi, trong Văn Sao đại sư Ấn Quang đặc biệt quở trách, không được hạ phong trong điện đường. Mọi người hiểu hạ phong không? Chính là xì hơi, không được tùy tiện. Nếu bạn xì hơi ở đây sẽ làm cho không khí bị ô nhiễm. Mọi người đốt hương cúng dường Phật còn không kịp, bản thân bạn còn xì hơi để xông, đây chính là không cung kính sẽ mắc tội, cho nên lúc này chúng ta phải hết sức nhẫn nại. Đại sư Ấn Quang nói nếu khi xì hơi, bạn có thể hơi đưa khí lên trên bụng để cái khí đó tiêu hóa ở trong bụng là được rồi, điều này không có hại gì.

Điều thứ bảy: **“Không được cùng người ở đơn bên cạnh chụm đầu kê tai nói chuyện đời.”**

Không được cùng người ở vị trí đơn bên cạnh “chùm đầu kê tai” nói những chuyện không liên quan đến Phật pháp, nói chuyện thế gian. Những việc này không chỉ mất oai nghi, hơn nữa chính là quên mất chánh niệm, cũng sẽ nhiễu loạn người khác. Do đó như niệm Phật đường đều không được nói chuyện, đều phải tịnh khẩu, đại hùng bảo điện cũng vậy. Thật sự vì công việc nên phải nói thì đều phải đi vào góc khuất, nơi người khác không nhìn thấy, tốt nhất là ra bên ngoài chánh điện rồi nói. Thậm chí trai đường của chúng ta cũng đều phải tịnh khẩu để giữ sự yên tĩnh, không được nói chuyện ở trong, mọi người đều tôi nói một câu, anh nói một câu, vậy trai đường giống như khách sạn, quán ăn lớn ở bên ngoài rồi, một mớ ồn ào.

Điều thứ tám: **“Hoặc có người thân bạn bè đến thăm thì không được nói chuyện lâu ở trong thiền đường, mà mời nhau ra bìa rừng, bờ nước rồi mới có thể hết lòng bàn luận.”**

Nếu có người thân bạn bè đến thăm hỏi, chữ “thân” này đương nhiên bao gồm cha mẹ, cũng bao gồm tất cả những người thân thích ở thế tục. “Hữu” chủ yếu là nói đạo hữu. Ở thế gian, chúng ta đã xuất gia rồi thì không cần kết giao với bạn bè thế gian nữa, có thể đến thăm hỏi bạn thì thông thường đều là đạo hữu. Chúng ta đã rời xa người thân đi học đạo thì đừng nói chuyện thế tục nữa, cho nên có người thân bạn bè đến thăm, ở đây nói nên đối đãi thế nào? “Không được nói chuyện lâu ở trong điện đường”, không được ở trong niệm Phật đường, thiền đường, pháp đường nói chuyện, đương nhiên càng không được nói lâu, nói rất lâu sẽ quấy nhiễu những tăng chúng khác. Nên “mời nhau ra bìa rừng bờ nước”, là ra bên ngoài, trong rừng núi, bờ nước, lúc này mới có thể “hết lòng bàn luận”. Đương nhiên đều nên bàn luận Phật pháp, vậy mới xứng đáng bàn luận.

Trong kinh Vô Lượng Thọ nói: “Không thích bàn luận chuyện thế gian, thích luận chánh pháp”, nói đều là chánh tri chánh kiến của Phật pháp, phải lợi ích cho người khác. Nếu nói chuyện thế pháp, những chuyện thế tục vô bổ thì chính là làm dơ bẩn cái miệng của mình, cũng là ô uế cả suối rừng, cho nên không được làm như vậy. Cổ đức nói: “Núi cao nước chảy ý sâu xa, tự có tri âm gặt đầu cười”, lúc này chúng ta nhìn thấy trong núi cao nước chảy hàm chứa nghĩa lý thâm sâu, tồn tại ở trong đó. Gọi là “sắc núi đều là thân thanh tịnh, tiếng suối toàn là lưỡi rộng dài”, ở trong này thể hội đạo, nội dung bàn luận đều nên là Phật pháp, đạo đức cao thượng dùng để khích lệ lẫn nhau.

Nói đến nước chảy, Khổng tử cũng nói, “Phu tử ở bên sông nói: thời gian trôi đi như nước chảy, ngày đêm chẳng ngừng nghỉ”. Dòng nước chảy ngày đêm không ngừng nghỉ chính là đại biểu cho sanh mạng của chúng ta, thời gian của chúng ta không ngừng trôi đi, cho nên phải nhớ nghĩ mạng người vô thường, đạo nghiệp của chúng ta vẫn chưa thành tựu, nếu lãng phí thời gian vào những việc tình cảm thế gian, những chuyện thế tục thì tương lai chúng ta khó tránh khỏi phải lưu chuyển trong sanh tử. Do đó phải nghĩ đến chuyện lớn sanh tử, chuyện lớn chưa làm xong thì không thể an tâm được, chúng ta phải cố gắng dụng công, đừng lãng phí thời gian.

Thiền sư Từ Thọ Thâm nói nếu bạn đạo, đạo hữu thuở xưa, người thân từ nơi xa đến thăm, đương nhiên bạn cự tuyệt họ ở ngoài cửa, như vậy cũng không đủ từ bi. Không thể nói họ lặn lội ngàn dặm xa xôi đến thăm bạn một chút mà ngay cả gặp mặt bạn cũng không gặp, trừ khi bạn đang bế quan, có lý do chính đáng. Nếu không người ta đến thăm bạn, bạn làm thế nào? Đương nhiên, thứ nhất không thể ở trong thiền đường ảnh hưởng đến tăng chúng khác, cho nên dẫn họ ra bìa rừng bờ nước. Chỗ chúng ta thông thường có phòng khách, cho phép bạn nói chuyện trong phòng khách, nhưng đừng nói quá lâu. Nói với họ thì đương nhiên cũng phải nói Phật pháp, khai thị chánh đạo cho họ, khích lệ họ tu hành, trọng điểm đề xuất ly sanh tử, mâu chót tín nguyện trì danh của việc niệm Phật cầu sanh Tịnh độ v.v., nói những việc này. Còn những việc gì đó như làm ăn, buôn bán, sanh đẻ, nuôi dưỡng con cái, kết hôn, ly hôn của thế gian đều không cần nói đến, đây không phải là việc mà người xuất gia chúng ta quan tâm, cho nên tâm người xuất gia mọi lúc đều phải nhớ nghĩ về đạo, tinh cần cầu đạo, cầu giải thoát.

Vâng, hôm nay hết giờ rồi, chúng tôi giảng đến đây trước, cảm ơn mọi người!